

Số: 244/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 20 tháng 6 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên  
Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 12 năm 2016 ban hành kèm theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản thống nhất tại cuộc họp ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung các điều, khoản tại Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 369/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 12 năm 2016 có phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Các điều khoản khác tại Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 369/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 12 năm 2016 không thay đổi.

Các điều, khoản điều chỉnh, bổ sung được áp dụng thực hiện từ năm học 2017 - 2018.

**Điều 3.** Các đơn vị, cán bộ viên chức thuộc Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ căn cứ quyết định thi hành. /x.t/c

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- BGH (để b/c);
- Lưu VT, B. Oanh.



**Dương Thái Công**

## PHỤ LỤC

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên  
Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-ĐHKTCN ngày 20 tháng 6 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ)

### 1. Điều chỉnh, bổ sung Khoản d, Điều 4. Như sau:

- d) Đối với giảng viên tập sự:
- Trong thời gian tập sự, giảng viên tập sự thực hiện các công việc sau:
    - + Hoàn thành các nhiệm vụ được nêu trong Hợp đồng làm việc của giảng viên tập sự đã ký với Nhà trường.
    - + Làm việc giờ hành chính và chấp hành sự quản lý của lãnh đạo đơn vị.
    - + Biên soạn hoàn chỉnh ít nhất bài giảng **một học phần**, được khoa thẩm định đạt yêu cầu; giảng thử và được khoa đánh giá đạt yêu cầu giảng dạy (có biên bản đánh giá cụ thể).
  - Giảng viên tập sự có bằng thạc sĩ trở lên được tham gia giảng dạy lý thuyết khi có đủ các điều kiện sau:
    - + Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.
    - + Tập sự từ 06 tháng trở lên, đã hoàn thành bài giảng một học phần và giảng thử tại khoa, được khoa thẩm định và đánh giá đạt yêu cầu giảng dạy (có biên bản đánh giá cụ thể).

### 2. Điều chỉnh, bổ sung Điều 6 như sau:

- 01 tiết giảng dạy theo niên chế quy đổi bằng 01 GC.
- 01 tiết giảng dạy theo hệ thống tín chỉ quy đổi bằng 1,1 GC.

**a. Hoạt động thực hiện theo nhiệm vụ của giảng viên được quy chuẩn như sau:**

Bảng 3:

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
<b>GIẢNG DẠY</b> (Áp dụng)	1	01 tiết giảng dạy lý thuyết hệ đại học Số sinh viên/lớp < 60	01

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
cho tất cả các hệ đào tạo do Trường quản lý hoặc ký hợp đồng liên kết đào tạo)		Từ 60 - 79	1,1
		Từ 80 - 99	1,2
		Từ 100 - 119	1,3
		Từ 120 - 139	1,4
		≥140	1,5
		Dạy bằng tiếng Anh, tiếng Pháp (trừ các học phần chuyên ngữ), cao học thì nhân thêm hệ số 1,5.	
	2	01 tiết giảng dạy lớp đêm, ngoài giờ hệ vừa làm vừa học	1,2
	3	Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm cho học phần có 01 tín chỉ (30 tiết) thực hành, thí nghiệm. + Không quá 35 SV với các môn thực hành trên máy tính. + Không quá 30 SV với các môn học khác.	0,6/01 SV 01/01 SV
4	Cố vấn học tập các lớp chính quy Từ 30 – 50 SV Từ 51 – 70 SV Từ 71 – 80 SV Từ 81 – 90 SV	50 65 70 75	
5	Công tác đánh giá (giữa kỳ, cuối kỳ) bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm gồm: ra đề, làm đáp án, coi thi, chấm thi, nhập điểm, báo điểm (các lớp học phần CĐ, ĐH)	01/5SV	
	Công tác đánh giá, gồm: ra đề, làm đáp án, coi thi, chấm thi, nhập điểm, báo điểm (các lớp học phần sau đại học).	1,5/5SV	
	6	Coi thi các lớp trong giờ hành chính	1/ca thi
	7	Coi thi các lớp buổi tối	1,2/ca thi
	8	Coi thi các lớp vào ngày thứ 7, chủ nhật	1,4/ca thi

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	9	Hội đồng thi: - Trong giờ hành chính: Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí phụ trách. - Ngoài giờ hành chính (các buổi tối, thứ 7 và chủ nhật): Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí cung cấp lịch thi; Ban Giám hiệu phân công hội đồng trực thi theo lịch.	Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường
	10	Trực tư vấn tuyển sinh	1,4/buổi.
	11	Hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH cấp Trường trở lên và được đánh giá đạt khi nghiệm thu.	20/đề tài
		Hướng dẫn sinh viên làm đồ án môn học, chuyên đề, niên luận	03/đồ án, chuyên đề, niên luận
		Hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp ở cơ sở ngoài Trường (bao gồm hướng dẫn và đánh giá báo cáo thực tập của sinh viên)	02 GC/sinh viên
		Hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp đại học	07/tiểu luận
		Hướng dẫn sinh viên làm luận văn đại học	18/luận văn
	12	Hội đồng thẩm định, nghiệm thu bài giảng cấp Khoa: chỉ thành lập khi có bài giảng được thẩm định và Khoa đề xuất trình Ban Giám hiệu phê duyệt thành lập – 03 thành viên/ hội đồng. + Chủ tịch hội đồng + Phản biện + Ủy viên kiêm thư ký.	04 05 04
			Hội đồng thẩm định, nghiệm thu bài giảng cấp Trường – 05 thành viên/ hội đồng. + Chủ tịch hội đồng + Phản biện

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
		+ Thành viên hội đồng	03
		+ Thư ký	04
		Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp Trường cho đề tài, dự án hoặc chương trình đào tạo – 05 thành viên/hội đồng.	
		+ Chủ tịch hội đồng	05
		+ Thành viên hội đồng	04
		+ Nhận xét, đánh giá, phản biện	07
		+ Thư ký	05
		Hội đồng luận văn tốt nghiệp đại học và NCKH của sinh viên (03 thành viên/hội đồng/luận văn)	
		+ Chủ tịch	02 /ngày
		+ Phó Chủ tịch	02 /ngày
		+ Thư ký	0.5 /Ban chấm
		<i>(Hội đồng luận văn tính theo ngày làm việc của Ban chấm luận văn)</i>	
		Ban chấm luận văn tốt nghiệp đại học và NCKH của sinh viên (03 thành viên/hội đồng/luận văn)	
		+ Trưởng ban	04
		+ Thành viên (phản biện)	04
		+ Thư ký	03
		Phản biện tiểu luận tốt nghiệp đại học (không thành lập Hội đồng)	02/tiểu luận
		Hội đồng thẩm định giáo trình (gồm 7 thành viên: 01 chủ tịch, 01 thư ký, 03 ủy viên, 02 phản biện).	
		+ Chủ tịch	06/hội đồng
		+ Thư ký	05/hội đồng
		+ Ủy viên	04/hội đồng
		+ Phản biện	07/tín chỉ

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
<b>NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> (Áp dụng cho tất cả các loại hình NCKH mà Trường là cơ quan quản lý hoặc chủ trì thực hiện, có trích nộp phân thu nhập từ kinh phí thực hiện cho Trường, kể cả các đề tài, dự án NCKH có yếu tố nước ngoài).	13	Đề cương NCKH đã được phê duyệt (chủ nhiệm đề tài đề xuất tỷ lệ quy chuẩn cho mỗi thành viên)	
		+ Cấp nhà nước hoặc có giá trị $\geq 1$ tỉ đồng	120
		+ Cấp Bộ-tỉnh-TP hoặc có giá trị $\geq 400$ triệu đồng	80
		+ Cấp Bộ-tỉnh-TP hoặc có giá trị $< 400$ triệu đồng	60
	14	Đề tài NCKH đã được nghiệm thu (chủ nhiệm đề tài đề xuất tỷ lệ quy chuẩn cho mỗi thành viên)	
		+ Cấp nhà nước hoặc có giá trị $\geq 1$ tỉ đồng	200
		+ Cấp Bộ-tỉnh-TP hoặc có giá trị $\geq 400$ triệu đồng	150
		+ Cấp Bộ-tỉnh-TP hoặc có giá trị $< 400$ triệu đồng	100
		+ Cấp Trường	60
	15	Tài liệu học tập đã đăng ký biên soạn, được Hội đồng thẩm định của Trường thông qua và được xuất bản (Ban biên soạn đề xuất tỷ lệ quy chuẩn cho mỗi thành viên)	100
16	Giáo trình (được nghiệm thu/ tín chỉ); nếu viết bằng tiếng nước ngoài (một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung) được nhân hệ số 1,5 (trừ các học phần viết cho các lớp chuyên ngữ) (Ban biên soạn đề xuất tỷ lệ quy chuẩn cho mỗi thành viên)	80/tín chỉ	
17	Giáo trình lưu hành nội bộ được nghiệm thu (không áp dụng đối với trường hợp đã được nghiệm thu bài giảng)	60/tín chỉ	

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	18	Bài báo khoa học (*) được đăng tại:	
		<b>+ Tạp chí khoa học trong nước và Tạp chí khoa học cấp Trường xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc Pháp dựa vào chỉ số ảnh hưởng (Impact factor - IF) của năm kê khai</b>	
		Chưa có IF	80
		Dưới 3,0	100
		Dưới 7,5	120
		Từ 7,5 trở lên	140
		<b>+ Book chapter:</b>	
		Xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, có ISBN, được nhà xuất bản ấn hành, có chủ biên	100
		Xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Việt, có ISBN, được nhà xuất bản ấn hành, có chủ biên	50
		<b>+ Tạp chí khoa học trong nước (có mã số ISSN) và tạp chí khoa học cấp Trường xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Việt có (hoặc không có) trong danh mục tạp chí được tính điểm công trình tối đa của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước</b>	
		Chưa có danh mục	25
		Dưới 0,75 điểm	40
		Từ 0,75 điểm trở lên	50
		+ Kỷ yếu hội nghị/ hội thảo quốc tế xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, có nhà xuất bản, có chủ biên, bài đầy đủ	40
+ Kỷ yếu hội nghị/ hội thảo quốc gia/ toàn quốc xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Việt, có nhà xuất bản, có chủ biên, bài đầy đủ	25		
+ Bài viết đăng kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo	20		

Nhóm công việc	TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
		cấp Trường, tỉnh, thành phố.	
	19	Sản phẩm NCKH đã được cấp quyền sở hữu trí tuệ (Nếu nhiều tác giả thì các tác giả tự phân chia)	100
	20	Bài giảng được nghiệm thu cấp Trường	40/tín chỉ
		Báo cáo seminar cấp Khoa được đánh giá loại khá trở lên	12/báo cáo
		Báo cáo seminar cấp Trường	15/báo cáo
	21	Hội đồng thẩm định seminar cấp Khoa, cấp Trường + Chủ tọa + Thư ký	02/báo cáo 01/báo cáo
	22	Hội đồng KH&ĐT Trường (thường trực/ ủy viên/thư ký)	50/40/50/năm
<b>NHIỆM VỤ KHÁC</b>	23	Giảng viên kiêm nhiệm phụ trách phòng thí nghiệm	40GC/năm
	24	Giảng viên là quân nhân dự bị, tự vệ của Trường được cử đi diễn tập, huấn luyện	2,5GC/ngày
	25	Giảng viên kiêm nhiệm công tác của Ban Quản trị hệ thống thông tin	70GC/năm

(\*) Bài báo khoa học:

• Nếu có 2 đồng tác giả, người chủ trì là người đứng tên trước, được tính 2/3 khối lượng.

• Nếu có từ 3 đồng tác giả trở lên thì chủ trì bài viết (được quy ước là người đứng tên đầu tiên trong danh sách tác giả) được tính 1/2 khối lượng; các thành viên khác sẽ do chủ trì quyết định tỷ lệ còn lại.

#### **b. Chế độ giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy**

Giảng viên làm chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách: 44GC/năm.



Giảng viên làm ủy viên ban chấp hành, tổ trưởng tổ công đoàn không chuyên trách, trưởng Ban nữ công, trưởng Ban thanh tra nhân dân: 22GC/năm.

Giảng viên nữ có con nhỏ từ 7 đến 12 tháng: 40GC/6 tháng.

### 3. Điều chỉnh Điều 7 như sau:

1. Giảng viên được cử đi đào tạo trong nước (kể cả đào tạo sau đại học), bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên tục mỗi đợt từ 30 ngày trở lên. Căn cứ lịch học do cơ sở đào tạo cấp thì cứ mỗi 30 ngày được giảm 10% giờ nghĩa vụ của năm nhưng tối đa không quá 100%. Nếu trong 1 năm được cử đi nhiều đợt liên tục như trên thì cộng dồn để tính tỷ lệ miễn giảm tương ứng, số ngày lẻ cuối cùng nhiều hơn 15 ngày được tính tròn thành 30 ngày.

2. Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài được miễn 100% tổng định mức giờ chuẩn.

### 4. Bổ sung Điều 8 như sau:

Đối với giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể đồng thời được hưởng chế độ giảm định mức giờ chuẩn theo Điều 6 của Quy chế này thì thực hiện tính giảm định mức giờ chuẩn trước, sau đó xác định định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỉ lệ phần trăm (%) của Bảng 2 Điều 5 của Quy chế này. /*vt*



**Dương Thái Công**